

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **253/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/12/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định.

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2022/QĐ-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 21/2022/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Th**, sinh năm 1989

ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu dân cư GiTh, phường TD, thành phố ChL, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Phạm Đức L**, sinh năm 1987

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư GiTh, phường TD, thành phố ChL, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Đà Loan (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu dân cư GiTh, phường TD, thành phố ChL, tỉnh Hải Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Phạm Đức L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ChL (nay là phường TD, thành phố ChL), tỉnh Hải Dương vào ngày 29/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhau tại Khu dân cư GiTh, phường TD, thành phố ChL, tỉnh Hải Dương. Năm 2017, để cải thiện kinh tế gia đình anh L đã sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu khi anh L đi nước ngoài tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Năm 2019, anh L về nước thăm gia đình, được một thời gian đến tháng 9/2019 thì anh L lại quay lại Đài Loan làm ăn. Đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, khoảng cách địa lý xa xôi dẫn đến vợ chồng không có sự gắn bó, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Vợ chồng ít liên lạc dần, anh L cũng chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại về hỏi thăm các con chứ không nói chuyện với chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, không thể hàn gắn được nữa, xác định không còn tình cảm với anh L, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 10/02/2010 và Phạm Vũ Thạch A, sinh ngày 07/12/2017. Hiện nay, các cháu đang ở cùng chị. Chị hiện nay đang làm chủ cửa hàng Th Vũ Spa, thu nhập trung bình khoảng 10-15 triệu đồng/tháng. Do chị mở cửa hàng tại nhà, tự chủ động về mặt thời gian nên có nhiều thời gian chăm sóc con cái. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các con, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con và đề nghị anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ/con/tháng, 2 con là 4.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung, nợ chung nhưng tự thỏa thuận, vợ chồng không cho ai vay nợ chung, không có đóng góp với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình Tòa án làm việc với bà Ng (mẹ đẻ anh L), anh L đã gọi điện thoại có hình ảnh trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th trước sự chứng kiến của bà Ng như sau: Anh đã nhận được các văn

bản Tòa án gửi cho anh. Anh đã biết rõ yêu cầu khởi kiện của chị Th. Quan điểm của anh là nhất trí ly hôn với chị Th, vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa; Về con chung, vợ chồng có 2 con chung như chị Th trình bày là đúng, hiện cháu Phạm Vũ Anh D đang ở cùng với mẹ anh, cháu Phạm Vũ Thạch A đang ở cùng với chị Th. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Trong trường hợp chị Th cũng muốn nuôi con thì anh cũng nhất trí để mỗi người nuôi một con, chị Th nuôi cháu nào thì anh sẽ nuôi cháu còn lại, mẹ anh sẽ có trách nhiệm chăm sóc cháu cho đến khi anh về nước. Hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ai; Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng có tài sản chung, nợ chung, hiện nay anh chị vẫn đang trong quá trình thỏa thuận với nhau. Trong trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được với nhau thì anh sẽ có đơn và các tài liệu kèm theo đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay anh vẫn đang làm ăn ở Đài Loan, nhưng do chỗ ở của anh tại Đài Loan không ổn định nên anh không cung cấp cho Tòa án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Các giấy tờ, tài liệu gửi cho anh, đề nghị Tòa án gửi cho mẹ anh để bà thông báo lại cho anh.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Ng trình bày:*

Bà xác định tại buổi làm việc với Tòa án, anh L có điện về trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Bà có chứng kiến và xác định các nội dung anh L trình bày với Tòa án, đồng thời bà đã thông báo cho anh L các mốc thời gian Tòa án tiến hành làm việc. Bà nhất trí với quan điểm của anh L, hỗ trợ anh L chăm sóc con chung nếu anh L được giao nuôi con và nhất trí nhận tài liệu, văn bản thay anh L và thông báo lại cho anh L. Tại buổi làm việc Tòa án đã hướng dẫn trực tiếp cho bà và anh L trong trường hợp nếu anh L đề nghị giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì phải có đơn và tài liệu kèm theo gửi Tòa án để được xem xét giải quyết. Bà Ng nhất trí với phần hướng dẫn của Tòa án và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, chị Vũ Thị Th trình bày: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L; con chung chị nhất trí chị và anh L mỗi người nuôi một con, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Vũ Thạch A, anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Vũ Anh D. Anh L hiện đang ở Đài Loan chưa về nước chị nhất trí với đề nghị của Linh là giao

cho bà Ng (bà nội cháu) chăm sóc cháu cho đến khi anh L về nước; Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L có tài sản chung và nợ chung nhưng chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Ng trình bày: Anh L hiện đang ở Đài Loan nhưng chỗ ở của anh L không ổn định nên anh L không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Anh L vẫn thường xuyên liên lạc với bà. Các tài liệu Tòa án gửi cho anh L bà đã thông báo cho anh L. Anh L có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Nếu Tòa án giao cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu D, bà nhất trí với đề nghị của anh L và chị Th bà sẽ giúp anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến khi anh L về nước. Quá trình giải quyết vụ án, anh L có đề nghị Tòa án chia tài sản chung và nợ chung. Tòa án đã hướng dẫn anh L thủ tục khởi kiện đề nghị chia tài sản nhưng đến nay anh L chưa có đơn và anh L có quan điểm đề nghị sau này anh L về nước sẽ đề giải quyết sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Phạm Đức L;

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Vũ Thạch A, sinh ngày 07/12/2017 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 10/02/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Bà Phạm Thị Ng hỗ trợ anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến khi anh L về nước;

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Phạm Đức L. Anh L hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh L tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh L và gia đình anh L cung cấp địa chỉ, nhưng anh L và gia đình không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã gọi điện qua mạng xã hội xác định hiện anh đang làm việc tại Đài Loan, tuy nhiên không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị Th, bà Ng có mặt; anh L đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và anh Phạm Đức L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ChL (nay là phường TD, thành phố ChL), tỉnh Hải Dương vào ngày 29/5/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Anh L có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị Th và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, việc chị Th xin ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Th và anh L có 02 con chung là Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 10/02/2010 và Phạm Vũ Thạch A, sinh ngày 07/12/2017. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Vũ Thạch A. Anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Vũ Thạch A, anh L đang ở Đài Loan chưa về nước nên đề nghị mẹ anh là bà Ng chăm cháu D giúp anh cho đến khi anh về nước.

Xét đề nghị của chị Th, anh L thì thấy: Chị Th và anh L đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng của chị Th và anh L đều là chính đáng và có trách nhiệm với con cái sau khi ly hôn. Cháu D có nguyện vọng muốn được ở cùng bố và bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Cháu Thạch A còn nhỏ, lại là con gái, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Anh L hiện chưa về nước có đề nghị bà Ng tiếp tục chăm sóc cháu D cho đến khi anh về nước, bà Ng nhất trí. Do vậy, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, cần giao con chung là Phạm Vũ Thạch A, sinh ngày 07/12/2017 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung là Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 10/02/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp. Bà Phạm Thị Ng hỗ trợ anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi anh L về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Th, anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng có tài sản chung và nợ chung nhưng đề nghị để các bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh L đã được Tòa án giải thích và hướng dẫn nếu đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì phải có đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, hết thời hạn Tòa án quy định, anh L vẫn không có đơn gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về phần tài sản trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có đề nghị giải quyết về tài sản sẽ được xem xét tại vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Phạm Đức L.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Vũ Thạch A, sinh ngày 07/12/2017; giao cho anh Phạm Đức L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 10/02/2010, thời gian từ tháng 12/2022 đến khi các con chung thành niên. Bà Phạm Thị Ng có trách nhiệm chăm sóc cháu D trong thời gian anh L chưa về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Vũ Thị Th và anh Phạm Đức L được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001666 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Phạm Đức L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Bà Phạm Thị

Ng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TD, huyện ChL (nay là phường TD, thành phố ChL), tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa